TÒA ÁN N DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 7 – 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án N dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án N dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Liên gia 3 (tổ 3 cũ), thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1981, vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cao Thành, xã Ea Kao, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú cuối cùng: Liên gia 3 (tổ 3 cũ), thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Phan Văn D trình bày:

Ông Phan Văn D và bà Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Kao, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/3/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên N là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không chia sẻ và yêu thương nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, cãi vã nhau. Đến ngày 23/6/2016 bà Lê Thị H bỏ nhà đi từ đó đến nay. Ông Phan Văn D đã đi tìm nhiều nơi nhưng không có kết quả gì nên đã làm đơn yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị H mất tích. Tại Quyết định số 53/2019/QĐST-VDS ngày 31/12/2019 của Tòa án N dân thành phố B,

tỉnh Đắk Lắk đã Tuyên bố bà Lê Thị H mất tích. Nay ông Phan Văn D xác định không còn tình cảm với bà Lê Thị H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Ông Phan Văn D và bà Lê Thị H có 02 con chung là cháu Phan Văn T sinh ngày 22/10/2000 và Phan Đức N sinh ngày 22/12/2001, hiện nay đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng ông Phan Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Lê Thị H vắng mặt không tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 98; các Điều 171 đến Điều 177; Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn N và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Phan Văn D.

Ông Phan Văn D được ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Các cháu Phan Văn T, sinh năm 2000 và Phan Đức N, sinh năm 2001, đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn D xác định không có nên không giải quyết.

Về án phí: Ông Phan Văn D phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông với bà Lê Thị H. Đây là quan hệ "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn bà Lê Thị H có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Tại phiên toà bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn N*: Ông Phan Văn D và bà Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Kao, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/3/2000, đây là quan hệ hôn N hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên N mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không chia sẻ và yêu thương nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, cãi vã nhau. Ngày 23/6/2016 bà Lê Thị H bỏ nhà đi từ đó đến nay. Ông Phan Văn D đã đi tìm nhiều nơi nhưng không có kết quả gì nên đã làm đơn yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị H mất tích. Tại Quyết định số 53/2019/QĐST-VDS ngày 31/12/2019 của Tòa án N dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã Tuyên bố bà Lê Thị H mất tích. Ông Phan Văn D xác định bà Lê Thị H bỏ đi đã lâu, không còn tình cảm với bà Lê Thị H, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lê Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn N và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:* Ông Phan Văn D và bà Lê Thị H có 02 con chung là cháu Phan Văn T sinh ngày 22/10/2000 và Phan Đức N sinh ngày 22/12/2001, đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Phan Văn D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Phan Văn D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56 Luật hôn N và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Phan Văn D.

1. Về hôn N: Ông Phan Văn D được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Về con chung: Các cháu Phan Văn T sinh ngày 22/10/2000 và Phan Đức N sinh ngày 22/12/2001, đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự làm ăn nuôi sống được bản thân, nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn D xác định không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phan Văn D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà ông Phan Văn D đã nộp (bà Nguyễn Thị N nộp thay) theo biên lai số AA/2019/0005755 ngày 05/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk ;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- UBND xã E, TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đại Minh